

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 -11- 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh Thảo

2. Ông Trần Quang Huân

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị Thu H - sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 19, phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn L - sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 19, phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Do ông Nguyễn Hồng T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch L, ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ đại diện theo ủy quyền. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, chị Ma Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn L ngày 17/8/2000 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tổ 19, phố L, phường H, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống và

tính tình không hợp nhau. Từ tháng 7/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà mẹ đẻ ở phường T, thị xã P sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn C - sinh ngày 20/4/2001 và Lê Thị Y - sinh ngày 12/10/2005. Ly hôn, do con chung là Lê Văn C đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết, còn chị xin được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Y, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về tài sản riêng: Anh Lê Văn L có tài sản riêng là quyền sử dụng diện tích đất 70,8m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 21 ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn L và 01 nhà xây cấp bốn nằm trên diện tích đất trên. Ly hôn, tài sản riêng của anh L thì anh L có quyền sử dụng và sở hữu.

- Về công nợ: Vợ chồng có vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Thọ, phòng giao dịch L số tiền 252.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Số tiền trên vay cho anh L làm ăn. Ly hôn, anh L có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trên.

- Về công sức: Không có.

**Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2019, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Ma Thị Thu H ngày 17/8/2000 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh tại tổ 19, phố L, phường H, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 19 năm đến nay không mâu thuẫn gì. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không muốn ly hôn nên xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi 2 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Anh có tài sản riêng là quyền sử dụng diện tích đất 70,8m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 21 ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn L và 01 nhà xây cấp bốn nằm trên diện tích đất trên là tài sản bố mẹ anh cho riêng anh. Ly hôn, tài sản riêng của anh thì trả lại cho anh.

- Về công nợ: Vợ chồng có vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ, phòng giao dịch L số tiền gốc là 250.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ly hôn, anh sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng và không yêu cầu chị H trả nợ cho

ngân hàng.

- Về công sức: Không có.

**Đại diện ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam do ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Ngày 07/12/2018, vợ chồng ông Lê Văn L và bà Ma Thị Thu H có ký hợp đồng tín dụng số 02/2018/10268070/HĐTD với Phòng giao dịch Lạc Long Quân - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ với số tiền vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay: Vay tiêu dùng sửa chữa nhà cửa, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ148231 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 18/5/2016 cho ông Lê Văn L địa chỉ tài sản tại phố L, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10268070/HĐBĐ ngày 27/09/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan giữa bên thế chấp là ông Lê Văn L và bà Ma Thị Thu H với bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ. Tính đến ngày 14/11/2019, ông L, bà H còn nợ của ngân hàng tổng là 253.710.838đồng trong đó: tiền gốc là 252.000.000đồng và tiền lãi là 1.710.838đồng.

Nay vợ chồng ông Lê Văn L và bà Ma Thị Thu H ly hôn, Ngân hàng yêu cầu người nào sở hữu tài sản thế chấp sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Và đề nghị Tòa án duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản đã được ký kết giữa hai bên để đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ cho ngân hàng.

**Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Lê Văn L có mặt tại Trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh L đã đến Tòa án để làm việc nhưng sau đó lại bỏ về không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.*

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 59, điều 60, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Ma Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn L.

-Về con chung: Vợ chồng có con chung là Lê Văn C - sinh ngày 20/4/2001 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị Ma Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Y - sinh ngày 12/10/2005 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ma Thị Thu H.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản riêng:

Giao cho anh Lê Văn L sử dụng tài sản riêng là diện tích đất 70,8m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 21 ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD148231 ngày 18/5/2016 mang tên Lê Văn L và 01 nhà xây cấp bốn nằm trên diện tích đất trên ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

-Về công nợ:

Giao cho anh Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch L- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ tổng số tiền tính đến ngày 14/11/2019 tổng là 253.710.838đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn tám trăm ba mươi tám đồng), trong đó: tiền gốc là 252.000.000đồng và tiền lãi là 1.710.838đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng ký kết cho đến khi trả nợ xong.

Duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10268070/HĐBĐ ngày 27/09/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan giữa bên thế chấp là ông Lê Văn L và bà Ma Thị Thu H với bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD148231 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 18/5/2016 mang tên ông Lê Văn L địa chỉ tài sản tại phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

-Về án phí: Chị Ma Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản và công nợ giữa chị Ma Thị Thu H và anh Lê Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L đã đến Tòa án làm việc xong lại tự bỏ về không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 29/10/2019,

bị đơn anh Lê Văn L đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn L.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ma Thị Thu H và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Đây là cuộc hôn nhân tự do tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 17 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống lối sống và tính tình không hợp nhau. Từ tháng 7/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà mẹ đẻ ở phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh L. Còn anh L cho rằng vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 19 năm đến nay không mâu thuẫn gì và không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Qua biên bản xác minh ý kiến của chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ phường H nơi vợ chồng chị H, anh L chung sống thì xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh L đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân khó có thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh L mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và đến khi Tòa án mở phiên họp hòa giải thì lại tự bỏ về không lý do nên việc xin đoàn tụ của anh L là không thực tâm. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn anh L của chị H là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn C - sinh ngày 20/4/2001 và Lê Thị Y - sinh ngày 12/10/2005. Ly hôn, quan điểm của chị H về con chung: con chung Lê Văn C đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết, còn chị xin được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Y và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh L xin trực tiếp nuôi 2 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Lê Thị Y có nguyện vọng xin được ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại chính quyền địa phương và Hội phụ nữ phường H nơi vợ chồng chị H, anh L chung sống thì yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận bởi con chung là Lê Văn C đã thành niên và có khả năng lao động theo quy định của pháp luật là phải tự lao động nuôi chính mình không cần phải nuôi dưỡng còn con chung là Lê Thị Y là con gái cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Y và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản riêng*: Cả chị H và anh L đều thừa nhận anh L có tài sản riêng là quyền sử dụng diện tích đất 70,8m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 21 ở phố L,

phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn L và 01 nhà xây cấp bốn nằm trên diện tích đất trên là tài sản bố mẹ anh cho anh. Ly hôn cần ghi nhận đó là tài sản riêng của anh L nên giao cho anh L tài sản này là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công sức*: Hai bên trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về công nợ*: Vợ chồng chị H, anh L có vay của Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ tính đến ngày 14/11/2019 là 252.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.710.838đồng, tổng là 253.710.838đồng và có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ148231 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 18/5/2016 cho anh Lê Văn L địa chỉ tài sản tại phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Ly hôn, chị H trình bày anh L sẽ có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và anh L cũng nhận trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả nợ cùng anh. Đại diện ngân hàng trình bày yêu cầu người nào sở hữu tài sản thế chấp sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Và đề nghị Tòa án duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản đã được ký kết giữa hai bên để đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ cho ngân hàng. Xét lời trình bày của các đương sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao cho anh Lê Văn L có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 14/11/2019 tổng là 253.710.838đồng trong đó: tiền gốc là 252.000.000đồng và tiền lãi là 1.710.838đồng; tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả nợ xong và duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản đã được ký kết giữa hai bên để đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ cho ngân hàng.

[6]. *Về án phí*: Chị Ma Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 59, điều 60, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử: Cho chị Ma Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn L.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có con chung là Lê Văn C - sinh ngày 20/4/2001 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị Ma Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Y - sinh ngày 12/10/2005 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ma Thị Thu H.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản riêng:

Giao cho anh Lê Văn L sử dụng tài sản riêng là diện tích đất 70,8m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 21 ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD148231 ngày 18/5/2016 mang tên Lê Văn L và 01 nhà xây cấp bốn nằm trên diện tích đất trên ở phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

4. Về công nợ:

Giao cho anh Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ tổng số tiền tính đến ngày 14/11/2019 tổng là 253.710.838đồng trong đó: tiền gốc là 252.000.000đồng và tiền lãi là 1.710.838đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, Anh Lê Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10268070/HĐBĐ ngày 27/09/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan giữa bên thế chấp là ông Lê Văn L và bà Ma Thị Thu H với bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phú Thọ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD148231 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 18/5/2016 mang tên ông Lê Văn L địa chỉ tài sản tại phố L, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

5. Về án phí: Chị Ma Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002226 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Ma Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã,
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường Trường Thịnh;
- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thu Hiền